TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - H	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: **568**/2026/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 29 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 537/2026/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị NTP**, sinh ngày 24/01/1998; CCCD số: 001***688; ngày cấp: 27/4/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký thường trú: Thôn 2 GC, xã B, thành phố H.

- *Bị đơn:* **Anh ĐVT**, sinh ngày 29/12/1997; Căn cước số: 015***878; ngày cấp: 06/01/2025; nơi cấp: Bộ Công an; nơi đăng ký thường trú: Thôn 2 GC, xã B, thành phố H. .

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị NTP, sinh năm 1998 và anh ĐVT, sinh năm 1997.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị NTP và anh ĐVT, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị P và anh T cùng xác định anh chị có 02 con chung là cháu ĐBH, sinh ngày 18/11/2020, cháu ĐBK, sinh ngày 11/01/2023.

Khi ly hôn, chị P và anh T thống nhất thỏa thuận: chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung của anh chị là cháu BH và cháu BK. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi con chung của anh chị trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung của anh T.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị P và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị P chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/26E số 0011611 ngày 14 tháng 05 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố H (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5). Hoàn trả chị P số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND Khu vực 5 – H;
- Thi hành án dân sự TP H – Phòng thi hành án KV5;
- UBND phường xã B (GCNKH số 24/2020 của UBND xã B, H. Gia Lâm, TP. H cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.